

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THUY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 6 - 2025

*“V/v Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Huy và bà Nguyễn Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thom, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1994.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện H, tỉnh H, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con ngày 17/4/2025, biên bản hòa giải và bản tự khai ngày 15/5/2025, nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh T yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 19/02/2016. Sau kết hôn, chị và anh T vào tỉnh Đồng Nai làm ăn, sinh sống, được một thời gian thì về quê anh T tại Quảng Bình sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, trái ngược nhau về quan điểm sống, anh T đánh đập chị thậm tệ nên vợ chồng thường cãi vã, xích mích nhau, làm tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên là tên là Đặng Minh N, sinh ngày 11/7/2016, hiện đang sinh sống cùng chị. Sau ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện, khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản hòa giải, bản tự khai ngày 15/5/2025 và tại phiên tòa, bị đơn anh T trình bày: Về quá trình yêu nhau, kết hôn, chung sống anh nhất trí như sự trình bày của chị H. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn anh không nhất trí, theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ do chị H tự ý bỏ đi sang nước ngoài (nước Nhật Bản) làm ăn, sinh sống từ năm 2019 và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân, anh liên lạc với chị H nhưng không được. Anh xác định vẫn còn tình cảm và dành tình yêu thương cho chị H nên chị H yêu cầu ly hôn, anh không nhất trí, mong muốn đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Đặng Minh N, sinh ngày 11/7/2016, hiện đang sinh sống cùng chị H. Anh mong muốn đoàn tụ vợ chồng nên việc phân chia giao con chung cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng không đặt ra. Trường hợp nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ điều kiện, khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Đặng Văn T là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn anh Đặng Văn T có nơi cư trú tại thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt nguyên đơn: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị đơn có mặt, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt trong đó nêu ý kiến của mình đối với việc giải quyết nội dung vụ án và lý do đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì chị H và anh Tường đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào

ngày 19/02/2016, do đó hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường cãi vã, xích mích nhau. Chị H và anh T sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử thấy, theo trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vợ chồng có một con chung là Đặng Minh N, sinh ngày 11/7/2016, hiện đang sinh sống cùng chị H. Quá trình giải quyết vụ án, cả chị H và anh T đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nếu ly hôn và không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện tại con chung Đặng Minh N đang còn nhỏ, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay đều do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhằm mục đích tạo sự ổn định trong sinh hoạt của con là phù hợp với điều kiện thực tế của nguyên đơn, bị đơn, nguyện vọng của con và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Tòa án đã giải thích cho chị H, anh T biết việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Tuy nhiên, chị H vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy chị H có đủ điều kiện, khả năng nuôi dưỡng con và việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Đặng Văn T.
2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung Đặng Minh N, sinh ngày 11/7/2016 cho chị Phạm Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Đặng Văn T không phải

cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị H có đủ khả năng, điều kiện nuôi con và không yêu cầu.

Anh Đặng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0004590 ngày 17/4/2025 (chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn anh Đặng Văn T có mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/6/2025); nguyên đơn chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã H (Nơi ĐKKH để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

